TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 05 NĂM, GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Đính kèm Kế hoạch số 1661 /KH-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2026 của UBND tỉnh)

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Tên Đơn vị	Kinh phí Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị	Trong đó					Kinh phí Sở Tài chính đề xuất	Trong đó		
			Dự toán năm 2026	Kinh phí năm 2027	Kinh phí dự kiến năm 2028	Kinh phí dự kiến năm 2029	Kinh phí dự kiến năm 2030		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028-2030
A	**Cấp tỉnh**	**233,383**	**33,948**	**48,668**	**48,335**	**48,658**	**53,775**	**232,128**	**33,661**	**47,954**	**150,513**
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6,849	0	2,048	1,266	2,299	1,237	6,150	0	1,597	4,553
	- Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	302	0	32	85	85	100	294	0	24	270
	- Hội Nông dân tỉnh	2,213	0	854	79	1,198	82	1,934	0	654	1,280
	- Hội Cựu Chiến binh tỉnh	400	0	100	100	100	100	304	0	76	228
	- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	1,222	0	410	334	239	239	1,016	0	302	714
	- Đoàn Thanh niên Cộng sản TPHCM	942	0	230	230	239	243	901	0	188	713
	- Liên đoàn Lao động tỉnh	712	0	178	178	178	178	712	0	178	534
	- Hội Người Cao tuổi tỉnh	1,058	0	244	260	260	295	989	0	175	814
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,220	0	555	555	555	555	2,212	0	553	1,659
3	Sở Công Thương	180	0	45	45	45	45	181	0	45	136
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	400	0	100	100	100	100	396	0	96	300
5	Công an tỉnh	9,550	800	1,630	2,173	2,391	2,556	9,092	535	1,437	7,120
6	Ban Quản lý Khu kinh tế	844	144	163	172	180	185	815	122	157	536
7	Vườn quốc gia Tràm Chim	31,694	0	8,091	7,914	7,581	8,108	31,635	0	8,032	23,603
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	181,647	33,004	36,037	36,110	35,507	40,989	181,647	33,004	36,037	112,606

STT	Tên Đơn vị	Kinh phí Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị	Trong đó					Kinh phí Sở Tài chính đề xuất	Trong đó		
			Dự toán năm 2026	Kinh phí năm 2027	Kinh phí dự kiến năm 2028	Kinh phí dự kiến năm 2029	Kinh phí dự kiến năm 2030		Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028-2030
	- Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	145,721	27,616	28,565	28,680	28,225	32,635	145,721	27,616	28,565	89,540
	- Chi cục Kiểm lâm	11,405	3,746	1,796	1,668	1,827	2,367	11,405	3,746	1,796	5,863
	- Ban Quản lý Rừng và Khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười	3,659	0	1,487	1,189	459	525	3,659	0	1,487	2,172
	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y	19,898	1,642	3,948	4,332	4,755	5,221	19,898	1,642	3,948	14,308
	- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	964	0	241	241	241	241	964	0	241	723
B	**Cấp xã/phường** (kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cho từng xã/phường dược phân bổ dựa trên cơ sở phân bổ dự toán ngân sách nhà nước của từng xã/phường và theo số liệu phân bổ năm 2026 của Sở Tài chính cung cấp để định hướng phân bổ cho giai đoạn 2027-2030)	**1,809,448**	**290,448**	**309,000**	**350,000**	**400,000**	**460,000**	**1,809,448**	**290,448**	**309,000**	**1,210,000**
Tổng kinh phí		**2,042,831**	**324,396**	**357,668**	**398,335**	**448,658**	**513,775**	**2,041,576**	**324,109**	**356,954**	**1,360,513**